

Bản án số: 30/2019/DS-PT

Ngày: 01- 3- 2019

*V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các thẩm phán: Ông Lâm Văn Be

Ông Nguyễn Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 285/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2019/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1969; trú tại: Tổ 2, ấp T3, xã H, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1970; trú tại: Số 193/4, đường 53, hẻm 31 Bời Lời, khu phố N1, phường N2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Dương Lê T1, sinh năm 1987; trú tại: Số 493, đường Bời Lời, khu phố N3, phường N2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10-10-2018); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1972, trú tại: Ấp TH, xã T4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Qua sự giới thiệu của người quen, ngày 29-4-2015 bà có cho ông Nguyễn Thanh N thuê phần đất diện tích 25.000 m² trên đất có 2.000 cây măng cầu, đất tọa lạc tại ấp TC, xã Tân Phú, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, với giá 700.000.000 đồng, thời hạn thuê là 04 năm, khi ký hợp đồng hai bên có thỏa thuận ông N phải bón phân diêm cho cây đầy đủ, nếu cây chết thì ông N phải trồng lại cây mới; quá trình thuê ông N xịt thuốc làm chết 352 cây và một số cây chết đang hồi phục lại ông N không trồng lại cây mới, khi biết sự việc bà có gặp ông N nhiều lần yêu cầu trồng lại cây mới nhưng ông N không trồng. Đến tháng 12-2017, ông Ngô Văn T2, sinh năm 1972, trú tại: Ấp TH, xã T4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh báo cho bà biết cây chết thì bà mới biết ông N đã cho ông T2 thuê vườn làm trái không báo cho bà biết; ngoài ra hai bên có thỏa thuận mỗi năm làm trái hai vụ, nhưng đến nay ông N đã làm đủ số vụ (08 vụ) nên sau khi thu hoạch xong vụ thứ 08 là đến tháng 01-2019, ông N phải trả lại vườn măng cầu cho bà. Nếu như nay ông N mới trồng lại cây thì không kịp thu hoạch, do cây trồng sau ba năm mới thu hoạch lại được, nếu cây còn sống đang thu hoạch thì bà có thể cho người khác thuê; đồng thời số tiền chi phí trồng lại cây mới. Nay bà yêu cầu ông N bồi thường cho bà số tiền 200.000.000 đồng và trả lại vườn măng cầu cho bà vào tháng 01-2019.

- Theo bản tự khai ngày 07-6-2018 của bị đơn ông Nguyễn Thanh N cùng lời khai tại Tòa án của người đại diện hợp pháp anh Dương Lê T1 trình bày:

Ngày 29-4-2015, ông N có hợp đồng thuê vườn cây măng cầu diện tích 25.000 m² tọa lạc tại ấp TC, xã Tân Phú, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, thời hạn thuê là 04 năm từ ngày 29-4-2015 đến ngày 29-4-2019, với số tiền là 700.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Q, hai bên có thỏa thuận ông N phải bón phân diêm cho cây đầy đủ, nếu cây chết thì phải trồng lại cây mới; quá trình thuê vườn do nguyên nhân khách quan cây măng cầu bị bệnh và chết khoảng vài chục cây, không phải do ông N gây ra vì ông vẫn chăm sóc cây thường xuyên, bón phân diêm cho cây đầy đủ, khi cây chết ông có cố gắng khắc phục, trồng lại và chăm sóc; việc xịt thuốc cây chết thì ông N khẳng định là không có, do khi chăm sóc những cây còn nhỏ khi xịt thuốc cỏ bị che khuất tầm nhìn bị phạm thuốc nên cây chết từ nhỏ và hiện nay thời hạn thuê chưa hết, ông N vẫn còn đang làm vườn đến khi hết hạn thì ông N giao vườn cho bà Q, nếu không đủ số lượng cây trên đất thì lúc đó bà Q khởi kiện mới đúng; hiện nay ông N giao đất cho bạn là ông Ngô Văn T2 làm trái. Nay bà Q khởi kiện ông N không đồng ý bồi thường cho bà Q số tiền 200.000.000 đồng, trong hợp đồng có ghi rõ ông N thuê vườn đến tháng 4-2019 (AL) nên ông N sẽ giao trả lại vườn cho bà Q đúng hạn theo hợp đồng và đồng ý trồng lại cây măng cầu đã chết.

- Theo bản tự khai ngày 07-8-2018 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T2 trình bày:

Vào khoảng tháng 11, tháng 12-2017 ông có thuê vườn măng cầu của ông Nguyễn Thanh N với giá 400.000.000 đồng, thời hạn thuê là 29-4-2019, hai bên thỏa thuận cho ông được làm trái 03 vụ, khi nhận vườn trong vườn có 352 cây chết và một số cây bị suy không làm trái được, hiện nay ông đã làm được một vụ trái. Nay bà Q khởi kiện ông không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 144/2018/DS-ST ngày 20-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 472; Điều 474; Điều 479; Điều 480; Điều 482; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q buộc ông Nguyễn Thanh N bồi thường cho bà Q số tiền 27.120.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23-11-2018, bị đơn là ông Nguyễn Thanh N có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q. Ông N không đồng ý bồi thường cho bà Q số tiền 27.120.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp chứng cứ gì mới, hai bên không tự thỏa thuận được vấn đề giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông N trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đầy đủ là hợp lệ về hình thức.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh N thấy rằng:

[2.1] Bà Q, ông N khai thống nhất: Hợp đồng thuê tài sản giữa bà Q với ông N có thời hạn thuê là 04 năm từ ngày 29-4-2015 đến ngày 29-4-2019 âm lịch. Tính thời điểm bà Q khởi kiện là 25/5/2018 (dương lịch) thì thời hạn hợp đồng cho thuê vẫn còn. Tuy nhiên, trong quá trình thuê tài sản của bà Q, ông N

đã không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng. Cụ thể, tại văn bản ngày 26/10/2018 (BL 51, 52), bản tự khai ngày 07/8/2018 (BL 26) ông Ngô Văn T2 khai, khoảng tháng 11, 12/2017, ông có thuê vườn của ông N làm 03 vụ măng cầu, giá thuê là 400.000.000 đồng, ông mới làm được 01 vụ trái thì xảy ra tranh chấp giữa bà Q với ông N. Tại biên bản hòa giải ngày 20-7-2018 (BL 65, 66), ông N thừa nhận, hiện tại ông giao đất cho ông T2 làm trái. Như vậy, việc ông N cho ông T2 thuê lại vườn măng cầu là sự thật việc cho thuê này nhưng không có sự đồng ý của bà Q là vi phạm theo quy định tại Điều 483 Bộ luật dân sự năm 2005. Hơn nữa, tại thỏa thuận ngày 29-4-2015, mục đích của ông N thuê vườn là để canh tác măng cầu trong thời hạn 04 năm, mỗi năm 02 vụ. Nhưng khoảng tháng 11, 12/2017, ông N cho ông T2 thuê lại để canh tác là vi phạm mục đích bà Q cho ông N thuê. Căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 488 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định *“Trong trường hợp bên thuê sử dụng tài sản không đúng mục đích, không đúng công dụng thì bên cho thuê có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại”*. Do ông N đã vi phạm mục đích thuê nên bà Q có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và yêu cầu ông N bồi thường thiệt hại là có căn cứ. Việc bà Nguyễn Thị Q có yêu cầu trả lại vườn măng cầu do ông Nguyễn Thanh N đã vi phạm hợp đồng cho người khác thuê lại, chưa có sự đồng ý của bà Q. Cấp sơ thẩm không giải quyết là thiếu sót. Việc gây thiệt hại là thực tế nên buộc bồi thường là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Q không có kháng cáo. Hiện nay, vườn măng cầu ông T2 đang quản lý và khai thác, bà Q đồng ý giải quyết yêu cầu lấy lại vườn măng cầu ở vụ kiện khác, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.2] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03-10-2018 và kết quả chứng thư thẩm định giá số: 0656N/2018/CT-MHD ngày 13-10-2018, thể hiện trên đất có trồng 1.855 cây măng cầu, trên 05 tuổi khoảng cách giữa các cây là 03 m, khoảng cách giữa các hàng là 04 m, trong đó có 113 cây chết hoàn toàn (một số cây đã mất gốc, không còn hiện hữu) trị giá 27.120.000 đồng, 192 cây còn lá có khả năng phát triển (cây héo, rụng lá, một số cành đã khô) trị giá 46.080.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định vườn măng cầu mà ông N thuê của bà Q có 113 cây chết, trị giá 27.120.000 đồng là sự thật. Cấp sơ thẩm buộc ông N bồi thường cho bà Q trị giá 113 cây măng cầu chết, tương đương với số tiền 27.120.000 đồng là có căn cứ. Ông N kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh N

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 480; 482; 483; 488 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q buộc ông Nguyễn Thanh N bồi thường cho bà Q số tiền 27.120.000 đồng.

Kể từ ngày bà Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho bà Q số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá: Mỗi bên phải chịu 3.500.000 đồng; số tiền này bà Q đã chi trả nên ông N có trách nhiệm giao nộp trả lại cho bà Q.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông N phải chịu 1.356.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

- Bà Q phải chịu 8.644.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu số: 0005552 ngày 31-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh; bà Q còn phải nộp 3.644.000 đồng.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006191 ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông N đã nộp xong.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tp. T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi Cục THADS tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Văn Sơn

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Văn Be

Nguyễn Văn Bình

Nguyễn Văn Sơn

